

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH CỬU  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 12 tháng 11 năm 2021  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU- TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Bá Diễm

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Tôn Thất Hưng và ông Lê Văn Mỹ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Vĩnh Cửu- tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu- tỉnh Đồng Nai tham  
gia phiên tòa:** Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh  
Cửu, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số  
92/2021/TLST-HNGĐ ngày 18/3/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”,  
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6  
năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7  
năm 2021, Thông báo thay đổi lịch mở phiên tòa số 97/2021/TB-TA ngày 27 tháng  
7 năm 2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 146/2021/TB-TA ngày 15 tháng 10  
năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Hồ Phương T, sinh năm 1999.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ cư trú: Số 16/61, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn:** Anh Phùng Ngọc A, sinh năm 1993.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ cư trú: Số nhà 71/10, Hương Lộ 9, ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đồng  
Nai.

*(Chị T và anh Ngọc A đều vắng mặt tại phiên tòa).*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn là chị Nguyễn Hồ Phương Thư trình bày:***

Chị và anh Phùng Ngọc A tự nguyện yêu thương chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40/2017 ngày 13/7/2017.

Trong quá trình chung sống, chị và anh Ngọc A sinh được 02 người con chung là cháu Phùng Nguyễn Như Y, sinh ngày 28/6/2015 và cháu Phùng Nguyễn Anh k, sinh ngày 16/9/2019.

Vợ chồng chung sống đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Từ tháng 03/2020 đến nay, chị và anh Ngọc A không còn sống chung với nhau nữa mà chị dẫn theo cháu Phùng Nguyễn Anh K chuyển đến sinh sống tại phường T, Thành phố B. Anh Ngọc A cùng cháu Phùng Nguyễn Như Y thì ở xã T, huyện V. Giữa chị và anh Ngọc A không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đặc biệt là tình yêu thương không còn. Do vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phùng Ngọc A.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Phùng Nguyễn Anh K vì hiện nay cháu đang sống chung với chị và do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị đồng ý giao cháu Phùng Nguyễn Như Y cho anh Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu Y hiện nay đang sống với anh Ngọc A. Do mỗi người nuôi 01 con nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị và anh Ngọc A không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng.

Chị đồng ý nộp toàn bộ án phí về việc ly hôn.

***- Trong quá trình tham gia tố tụng, anh Phùng Ngọc A trình bày:***

Về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung của anh và chị Nguyễn Hồ Phương T như chị T trình bày là đúng.

Anh thừa nhận giữa anh và chị T bất đồng trong quan điểm sống, không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, không có hạnh phúc, đến cuối năm 2019 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Từ tháng 3/2020 đến nay, anh và chị T đã sống ly thân. Trong thời gian này, anh đã nhiều lần đến gặp chị T nói chuyện để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Nay chị T

yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì anh còn thương con nhỏ và còn tình cảm với chị T.

Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Phùng Nguyễn Như Y vì cháu Y hiện nay đang sống với anh và anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh đồng ý giao cháu Phùng Nguyễn Anh K cho chị T nuôi dưỡng vì hiện nay cháu K đang sống với chị T. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh và chị T không có nợ chung; Về tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**- *Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phát biểu quan điểm:***

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Yêu cầu của chị T là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về việc được ly hôn với anh N; về con giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và giao cháu Y cho anh Ngọc A nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con như hai bên đã thỏa thuận. các đương sự không yêu cầu phân chia tài sản chung nên không xét. Chị T phải chịu án phí theo luật định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### ***[1]. Về tố tụng:***

1.1. Chị Nguyễn Hồ Phương T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai giải quyết ly hôn với anh Phùng Ngọc A và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung vì vậy quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Bị đơn là anh Phùng Ngọc A có nơi cư trú tại số nhà 71/10, Hương Lộ 9, ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Sau khi nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày 06/4/2021 anh Ngọc A đến Tòa án nộp bản tự khai và tham gia phiên hòa giải (đoàn tụ không thành). Sau đó, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ “Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải” và “giấy triệu tập” (thể hiện tại các bút lục số: 23, 30, 31, 32, 33, 34) nhưng anh Ngọc A không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên họp. Do anh Ngọc A đã được thông báo, triệu tập nhiều lần nhưng vẫn không đến tham gia phiên họp và hòa giải nên Tòa án đã lập biên bản ghi nhận việc không thể tiến hành hòa giải được. Đồng thời, tiếp tục tổng đạt cho anh Ngọc A bằng thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng gồm: “Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải”, “Quyết định đưa vụ án ra xét xử”, “Quyết định hoãn phiên tòa” và “Thông báo về việc mở lại phiên tòa” (thể hiện tại các bút lục số: 39, 40, 41, 42, 54) theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, anh Ngọc A đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Về phía chị T do bị nhiễm Covid 19 nên không thể đến tham gia phiên tòa nhưng trước khi mở phiên tòa, chị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Ngọc A, chị T theo quy định.

***[2]. Về nội dung tranh chấp:***

2.1. Chị T và anh Ngọc A tự nguyện chung sống với nhau, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa chị T, anh Ngọc A là hôn nhân hợp pháp.

2.2. Trên cơ sở lời khai, lời trình bày của chị T, anh Ngọc A và xác minh tại địa phương nơi anh Ngọc A, chị T sinh sống thì thấy cuộc sống chung của chị T, anh Ngọc A đã mâu thuẫn, không có hạnh phúc, không có sự yêu thương, tôn trọng; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trên thực tế, anh Ngọc A và chị T đã sống ly thân, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và chính anh Ngọc A cũng thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau từ 03/2020 đến nay. Anh Ngọc A không muốn ly hôn nhưng lại không đưa ra được giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập họp lệ cho anh Ngọc A đến Tòa án gặp gỡ chị T để tiến hành hòa giải nhưng anh Ngọc A không đến, cho thấy anh Ngọc A không có thiện chí kêu gọi chị T trở về đoàn tụ. Do vậy, yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn với anh Ngọc A là có cơ sở chấp nhận.

2.3. Về con chung: Chị T, anh Ngọc A đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K. Anh Ngọc A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Y. Tạm thời các bên không phải cấp dưỡng nuôi con

chung. Thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

2.4. Về nợ chung và tài sản chung: Chị T, anh Ngọc A đều khai không có nợ chung, cũng không có ai yêu cầu anh Ngọc A và chị T phải trả nợ. Chị T, anh Ngọc A không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung và nợ chung của chị T, anh Ngọc A trong vụ án này.

**[3]. Về án phí ly hôn:** Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp.

**[4].** Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, có cơ sở chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồ Phương T. Chị Nguyễn Hồ Phương T được ly hôn với anh Phùng Ngọc A.

2. Về con chung: Giao con chưa thành niên là Phùng Nguyễn Anh K, sinh ngày 16/9/2019 cho chị Nguyễn Hồ Phương T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Giao con chưa thành niên là Phùng Nguyễn Như Y, sinh ngày 28/6/2015 cho anh Phùng Ngọc A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Ngọc A, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Không ai được cản trở quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung của chị T, anh Ngọc A.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Hồ Phương T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004921 ngày 18/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Như vậy, chị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

4. Chị T, anh Ngọc A có quyền kháng cáo trong hạn thời 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án này theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Bá Diễn**

**Mẫu 52-DS**